

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO-BỘ QUỐC PHÒNG-
BỘ NỘI VỤ-ỦY BAN MẶT
TRẦN TỔ QUỐC VIỆT
NAM

Số:
01/2003/TTLT/TANDTC-
BQP-BNV-
UBTWMTTQVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thi hành một số quy

định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân

Căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ vào Điều 43 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2002 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2002 Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn một số điểm sau đây:

I. VỀ TIÊU CHUẨN THẨM PHÁN

1. Theo quy định tại các Điều 1 và 2 Nghị quyết số 131/2002/NQ-UBTVQH11 ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định một số điểm về việc thi hành Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân", khi tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán cần chú ý:

a) Đối với người chưa có thời gian làm Thẩm phán Tòa án nhân dân (lần đầu được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán) để có thể được tuyển chọn và bổ

nhiệm làm Thẩm phán Tòa án cấp nào, thì cần phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại các Điều 20, 21, 22 và 23 tương ứng của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh).

b) Đối với người đã có thời gian làm Thẩm phán Tòa án nhân dân chưa có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ xét xử, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác quy định tại các Điều 20, 21, 22 và 23 tương ứng của Pháp lệnh, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án cấp tương ứng mà không đòi hỏi phải có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ xét xử.

c) Đối với người đang là Thẩm phán được bổ nhiệm trước ngày 15 tháng 10 năm 2002 chưa có trình độ cử nhân luật, chưa có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ xét xử mà có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp lệnh thì chỉ có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm lại làm Thẩm phán Tòa án cấp đó, nhưng trong nhiệm kỳ mới phải học tập để có trình độ cử nhân luật.

d) Đối với người chia có đủ thời gian làm công tác pháp luật, chưa được đào tạo về nghiệp vụ xét xử, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp lệnh, thì chỉ có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán trong trường hợp đặc biệt và phải được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại ngành Tòa án nhân dân. Trường hợp đặc biệt là trường hợp nếu người đó được bổ nhiệm làm Thẩm phán thì sẽ bổ nhiệm họ làm Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp đó.

2. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa phải là:

a) Không có bất kỳ hành vi nào gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nền quốc phòng toàn dân, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và các chính sách của Nhà nước, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng;

- c) Kiên quyết đấu tranh chống lại những người, những hành vi có hại đến Đảng, đến Tổ quốc và nhân dân,
- d) Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền;
- đ) Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, bảo vệ công lý;
- e) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I của Quy định số 75/QĐ-TW ngày 25/4/2000 của Bộ Chính trị;
- g) Không làm những việc quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh;
- h) Chưa bao giờ bị kết án (kể cả trường hợp đã được xóa án tích).

3. "Có trình độ cử nhân luật" là phải có bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành luật do các trường đại học trong nước có chức năng đào tạo đại học về chuyên ngành luật theo quy định cấp; nếu văn bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành luật do cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp, thì văn bằng đó phải được công nhận ở Việt Nam theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

4. "Đã được đào tạo về nghiệp vụ xét xử" là phải có chứng chỉ về đào tạo nghiệp vụ xét xử do cơ quan có chức năng đào tạo các chức danh tư pháp cấp; nếu là chứng chỉ do các cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

5. "Thời gian làm công tác pháp luật" là thời gian công tác kể từ khi được xếp vào một ngạch công chức bao gồm Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, Chấp hành viên, Chuyên viên hoặc Nghiên cứu viên pháp lý, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Công chứng viên, Thanh tra viên, cán bộ bảo vệ an ninh trong Quân đội, cán bộ pháp chế, giảng viên về chuyên ngành luật. Thời gian được bầu hoặc cử làm Hội thẩm, thời gian làm Luật sư cũng được coi là "thời gian làm công tác pháp luật".

6. "Có năng lực làm công tác xét xử" là có khả năng hoàn thành tốt công tác xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tương ứng mà người đó có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán theo nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý công chức hoặc có những bài viết, công

trình nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật có giá trị được công bố hoặc được áp dụng vào thực tiễn.

7. "Có sức khỏe hoàn thành nhiệm vụ được giao" là có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, ngoài thể lực cần thiết, còn bao gồm yếu tố ngoại hình đó là không có dị tật, dị hình ảnh hưởng trực tiếp đến tư thế hoặc việc thực hiện nhiệm vụ của người Thẩm phán.

8. Đối với người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật, nhưng chưa có quyết định giải quyết cuối cùng của người hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thì chưa có đủ điều kiện để có thể được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán.

II. VỀ HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN THẨM PHÁN

1. Việc thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán

a) Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh thì Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện; do đó, khi có sự thay đổi hay phân công lại giữa Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán, thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao biết.

b) Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh là thành viên đương nhiên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện; do đó, người nào được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc được giao quyền Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thì người đó đương nhiên là thành viên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán mà không cần phải có quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cử làm ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện.

c) Khi cần có sự thay đổi, người đại diện lãnh đạo Ban tổ chức chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh làm thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện thì cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi có văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề nghị việc thay đổi đó. Kèm theo văn bản này là lý lịch trích ngang của người được đề cử mới. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh làm văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện. Kèm theo văn bản này là văn bản của cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán và lý lịch trích ngang của người được đề cử mới.

d) Khi cần có sự thay đổi người đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam làm thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án quân sự cấp quân khu, Thẩm phán Tòa án quân sự khu vực thì cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi có văn bản gửi Chánh án Tòa án quân sự Trung ương đề nghị việc thay đổi đó. Kèm theo văn bản này là lý lịch trích ngang của người được đề cử mới. Chánh án Tòa án quân sự Trung ương làm văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Tòa án quân sự cấp quân khu, Thẩm phán Tòa án quân sự khu vực. Kèm theo văn bản này là văn bản của cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán và lý lịch trích ngang của người được đề cử mới.

2. Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán làm việc theo Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán do Tòa án nhân dân tối cao ban hành sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện được dự toán trong kinh phí hoạt động của các Tòa án nhân dân địa phương. Tùy theo điều kiện của từng nơi, Hội đồng